TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2023/DS-PT
Ngày: 18/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng hùn vốn và hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy
- Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi
  Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp về dân sự hợp đồng hùn vốn, hợp đồng mua bán ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2022/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Số B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
2.Bị đơn: Hồ Thị Kim G, sinh năm 1961 (Chủ Hộ K Đ).
Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hồ Thị Kim X, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: bà Lê Thị T là nguyên đơn của vụ án.

(Bà T và bà G có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T, là ông Trần Đình H trình bày: Bà Lê Thị T và bà Hồ Thị Kim G, bà Hồ Thị Kim X là bạn bè (bà G và bà X là chị em và cùng kinh doanh chung hộ). Ngày 23/01/2018 bà T và bà G có đến phòng C

tỉnh Đồng Tháp lập hợp đồng góp vốn số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn góp từ ngày 23/6/2017 đến 23/6/2024. Mục đích góp vốn là mua bán, sản xuất lúa gạo an toàn. Hai bên thỏa thuận miệng là 6 tháng chia lợi nhuận 01 lần. Bà T đã đưa cho bà G số tiền 300.000.000 đồng trong tổng số tiền góp vốn. Bà G nhận tiền đến thời điểm chia lợi nhuận thì bà G không thực hiện. Ngày 18/4/2019 bà G báo với bà T là không hùn vốn nữa và kêu bà T lấy gạo bán để thu hồi vốn góp.

Bà T có đặt 2 tấn gạo nhưng bà G không giao mà chỉ hứa. Đến ngày 18/4/2019 bà G thông báo là bà T còn nợ bà số tiền 113.987.000 đồng, bà T không đồng ý với thông báo của bà G.

Nay bà Lê Thị T yêu cầu bà Hồ Thị Kim G – Chủ hộ kinh doanh Đ và bà Hồ Thị Kim X liên đới trả lại bà T số tiền 152.716.000 đồng, (300.000.000 đồng tiền hùn vốn – 147.284.000 đồng tiền gạo chưa thanh toán) lãi 1,66%/tháng, tính từ ngày 23/01/2018 đến 23/8/2020 (54 tháng) là 139.429.000 đồng yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ kiện. Bà T thừa nhận có lấy gạo bà G số tiền chưa thánh toán là 147.284.000 đồng, không thừa nhận nợ tiền gạo bà G là 332.866.000 đồng.

Ngoài ra trong thời gian thì bà T có xuất số tiền 68.161.000 đồng là tiền cá nhân chi phí trong các lần cùng bà G, bà X đi giới thiệu gạo, sản phẩm làm từ gạo mang thương hiệu Đ tại hội chợ, Đồng Tháp, Long An, N….theo thỏa thuận bà G và bà X phải trả trả lại cho bà nhưng đến nay bà G và bà X không trả, nên bà cũng yêu cầu bà G và bà X liên đới trả số tiền là 68.161.000 đồng này.

Đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Kim G là ông Thái Quang T1 trình bày: Bà G thống nhất giữa bà G và bà T có hùn vốn làm ăn theo hợp đồng bà T cung cấp, nhưng bà T chỉ góp vốn số tiền là 238.800.000 đồng không phải số tiền 300.000.000 đồng như bà T trình bày. Nay bà G cho rằng hợp đồng hùn vốn chưa hết hạn nên không đồng ý trả lại cho bà G số tiền hùn vốn.

Bà G yêu cầu phản tố trong quá trình góp vốn để giải quyết khâu tiêu thụ gạo thành phẩm thì bà G và bà T thống nhất bà T và bà T2 phụ trách kinh doanh bán gạo, người bán gạo hưởng lãi trên khối lượng cụ thể. Hàng hóa bà T đã nhận có giá trị 375.554.000 đồng.

Tại phiên tòa bà G yêu cầu bà T trả số tiền mà bà T đã lấy gạo tổng cộng số tiền là 332.866.000 đồng (trong đó số tiền 232.961.000 đồng thì có biên nhận còn số tiền 99.905.000 đồng thì không có biên nhận).

Đối với yêu cầu bà Lê Thị T, bà Hồ Thị Kim G không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim X: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Hồ Thị Kim X theo quy định của pháp luật nhưng Hồ Thị Kim X không có văn bản ghi ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tại phiên toà Hồ Thị Kim X vắng mặt không có lý do.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 15/11/2022, Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu bà Lê Thị T. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị Kim G.

Buộc bà Hồ Thị Kim G (Chủ Hộ K Đ) trả cho bà Lê Thị T trả số tiền 116.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T yêu bà Hồ Thị Kim X liên đới cùng bà Hồ Thị Kim G – Chủ hộ kinh doanh Đ trả tiền cho bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí là 7.481.000 đồng theo biên lai thu số 0007971 ngày 14/4/2021 và số tiền 1.704.000 đồng theo biên lai thu số 0005417 ngày 21/01/2022 cho bà Lê Thị T tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Hồ Thị Kim G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2022, bà Lê Thị T kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà đối với bà G.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà T là có một phần căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T; sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lê Thị T yêu cầu bà Hồ Thị Kim G (Chủ hộ kinh doanh Đ) và bà Hồ Thị Kim X liên đới trả lại bà T số tiền 152.716.000 đồng, tiền lãi 139.429.000 đồng và 68.161.000 đồng tiền chi phí trong các lần cùng bà G, bà X đi giới thiệu gạo, sản phẩm làm từ gạo mang thương hiệu Đ tại hội chợ, Đồng Tháp, Long An, N… Bà Hồ Thị Kim G không đồng ý vì hợp đồng chưa hết hạn, đồng thời bà G yêu cầu phản tố đối với bà T, yêu cầu bà T phải trả số tiền gạo mà bà T đã nhận của bà G tổng cộng là 332.866.000 đồng.

Xét thấy, bà T và bà G có xác lập hợp đồng hùn vốn theo hợp đồng hùn vốn ngày 23/01/2018 và sự thừa nhận của bà T và bà G. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà đã hùn số tiền 300.000.000 đồng, còn bà G thì cho rằng bà T chỉ hùn 238.800.000 đồng. Do bà T không có chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận số tiền bà T đã hùn là 238.800.000 đồng theo sự thừa nhận của phía bà G là phù hợp.

Việc bà G không đồng ý trả số tiền hùn vốn cho bà T với lý do hợp đồng chưa hết hạn là không phù hợp vì hai bên không có thỏa thuận trong thời gian góp vốn thì các bên không được rút vốn. Do đó, nay các bên phát sinh tranh chấp thì Tòa án giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà G phải trả số tiền hùn vốn cho bà T là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét yêu cầu phản tố của bà G, theo đó bà T trình bày trong thời gian hùn vốn thì bà T có lấy gạo của bà G tổng lượng gạo quy thành tiền là 157.284.000 đồng, trừ 10.000.000 đồng mà bà G hứa thưởng = 147.284.000 đồng. Còn bà G thì cho rằng bà T đã nhận gạo và tiền tổng cộng giá trị là 332.866.000 đồng.

Đối với việc bà G cho rằng bà T có nhận 332.866.000 đồng, trong đó có 99.905.000 đồng, không có biên nhận, nhưng phía bà G không xuất trình được chứng cứ chứng minh tổng số tiền phía bà T đã nhận là 332.866.000 đồng như nói trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận số tiền mà bà T đã nhận tổng cộng 332.866.000 đồng như bà G trình bày mà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của cả hai bên để xác định, là có căn cứ.

Đối với bà T, tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo lời trình bày và các tài liệu bà T cung cấp (sổ bán hàng) và xác định bà T có nhận gạo và tiền từ bà G là 157.284.000 đồng cộng với các số tiền mà bà G chứng minh được là 81.400.000 đồng ((gồm 22.000.000 đồng ngày 01/10/2018 (01 tấn gạo) + 44.000.000 đồng ngày 18/01/2019 (02 tấn gạo) + 15.400.000 đồng (tiền bà G chuyển cho bà T qua Ngân hàng N)), tổng cộng là 238.684.000 đồng, nên xác định số tiền bà G phải trả cho bà T là 116.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xác định số tiền gạo 157.284.000 đồng là do bà cộng nhầm (tính sai), mà chỉ là 146.889.000 đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ là sổ bán hàng nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà T là có cơ sở, theo đó tại bảng kê tiền gạo từ ngày 28/3/2018 đến ngày 27/11/2018 với tổng cộng tiền gạo chỉ là 80.060.000 đồng nhưng bà T tính tổng cộng là 90.445.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không kiểm tra lại số liệu này. Như vậy, có căn cứ xác định bà T chỉ nhận gạo và tiền từ bà G là 146.889.000 đồng (theo sổ sách của bà T và bà T thừa nhận) + 81.400.000 đồng (theo chứng cứ bà G chứng minh được thêm) = 228.289.999 đồng, nên bà G phải trả cho bà T số tiền là 238.800.000 đồng – 228.289.000 đồng = 10.511.000 đồng, là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G cũng thống nhất về việc tại cấp sơ thẩm, các đương sự đã tính nhầm và bà cũng đồng ý trả cho bà T số tiền 10.511.000 đồng.

Đối với khoản tiền còn lại, tiền lãi và số tiền hứa thưởng 10.000.000 đồng theo trình bày và yêu cầu của bà T thì bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; phía bà G cũng không thừa nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kim X liên đới cùng bà G trả số tiền hùn vốn, tiền lãi và chi phí tham gia hội chợ, Hội đồng xét xử xét thấy bà X không có ký hợp đồng hùn vốn; Hộ kinh doanh Đ không có tên bà X; bà G cũng không thừa nhận bà X có liên quan đến hộ kinh doanh của bà và bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này của mình, nên Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị T, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, buộc bà G phải trả cho bà T 10.511.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 504 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị T.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu bà Lê Thị T. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị Kim G.

Buộc bà Hồ Thị Kim G (C kinh doanh Đ) trả cho bà Lê Thị T trả số tiền 10.511.000đ *(Mười triệu năm trăm mười một nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T yêu cầu bà Hồ Thị Kim X liên đới cùng bà Hồ Thị Kim G – Chủ hộ kinh doanh Đ trả tiền cho bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 7.481.000 đồng theo biên lai thu số 0007971 ngày 14/4/2021 và số tiền 1.704.000 đồng theo biên lai thu số 0005417 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

+ Bà Hồ Thị Kim G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cụcTHADS thành phố Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy